

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST**

**Ngày: 24/9/2020**

**V/v: “Tranh chấp ly hôn”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng.

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Lê Thị M, sinh năm 1965.

**\* Bị đơn:** Ông Phan Kiến S, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Khu phố 9, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông S vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:**

Bà và ông Phan Kiến S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122, ngày 23/9/2014.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà dọn về sinh sống tại khu phố 9, phường Phước Hội, thị xã L. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà không hiểu nhau, không cùng quan điểm sống, hiện vợ chồng ông, bà tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Hiện bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn và bà cũng không còn tình cảm với ông S nữa nên khởi kiện đề yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về phía bị đơn – Ông Phan Kiến S:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt không lý do.

\* Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của vợ chồng bà M, ông S nhưng không có kết quả, do quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng bà M, ông S khi mâu thuẫn vợ chồng không phản ánh hoặc nhờ địa phương can thiệp hòa giải.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn ông S; Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Phan Kiến S có địa chỉ tại khu phố 9, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Phan Kiến S vắng mặt không lý do; Riêng nguyên đơn bà

Lê Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**3.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị M và ông Phan Kiến S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122, ngày 23/9/2014, vì vậy hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà M vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông S vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Phan Kiến S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông S bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà M, ông S thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Như vậy, ông Phan Kiến S vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3.2. Về con chung:** Vợ chồng bà M, ông S không có con chung.

**3.3. Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

**Tuyên xử: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”**

**1.** Về hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn ông Phan Kiến S.

**2.** Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022629 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà M đã nộp đủ án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Bà M, ông S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**